

Số: 218/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG BỐ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 61/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cụ thể:

1. Thủ tục hành chính cấp trung ương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 68 thủ tục (*chi tiết tại Phụ lục I*).

2. Thủ tục hành chính cấp tỉnh đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 28 thủ tục (*chi tiết tại Phụ lục II*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Trung tâm CNTT (để cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ);
- Lưu: VT, VP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Xuân Định



PHỤ LỤC I

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH
(Kèm theo Quyết định số 218/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
A	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	
I	Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ	
1	1.007281	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ
2	1.007293	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ
3	1.002725	Thủ tục cho phép nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong trường hợp khác
II	Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia	
4	1.011806	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.
5	1.011807	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành.
6	1.011813	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.
III	Văn phòng Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ	
7	1.002145	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ
8	1.001989	Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam
9	1.001910	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam
IV	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	
10	1.004761	Thủ tục đăng ký tham gia xét chọn giải thưởng Tạ Quang Bửu
11	1.005370	Thủ tục đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ
12	1.001235	Thủ tục đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ
B	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (Cục Sở hữu trí tuệ)	
13	1.011921	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp

14	1.011922	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
15	1.011923	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
16	1.011924	Thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
17	1.011925	Thủ tục ghi nhận Người đại diện sở hữu công nghiệp
18	1.011926	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
19	1.011927	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
20	1.011928	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
21	1.011929	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp
22	1.011930	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp
23	1.011931	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp
24	1.011932	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp
25	1.011933	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp
26	1.011934	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp
27	1.011935	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp
28	1.011936	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp
29	1.010214	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030
30	1.010215	Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030
31	1.010216	Thủ tục thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030
32	1.010217	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030
33	1.010218	Thủ tục công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030
C	LĨNH VỰC AN TOÀN BỨC XẠ HẠT NHÂN (Cục An toàn bức xạ hạt nhân)	

34	1.009804	Thủ tục khai báo nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, thiết bị bức xạ (trừ thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, nguồn phóng xạ nhóm 1 và nguồn phóng xạ nhóm 1 đã qua sử dụng)
35	1.009846	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (trừ người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)
36	1.009847	Thủ tục phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở (trừ việc sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)
37	1.009859	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Kiểm xạ; tẩy xạ; đánh giá hoạt độ phóng xạ; lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; đo liều chiếu xạ cá nhân; kiểm định thiết bị bức xạ; hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ; thử nghiệm thiết bị bức xạ
38	1.009860	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đào tạo an toàn bức xạ; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ
39	1.009868	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử
D	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)	
40	2.001226	Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường
41	1.002908	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, cấp lại thẻ
42	2.000737	Thủ tục Điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo
43	2.000747	Thủ tục gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo
44	1.008089	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch
45	1.000133	Trình tự, thủ tục công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp.
46	1.000109	Thủ tục công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp.
47	1.000050	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc

48	1.000879	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc
49	1.002794	Thủ tục đăng ký cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận
50	1.000333	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân
51	1.003324	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm
52	1.003309	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm
53	1.003269	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định
54	1.003224	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định
55	1.003167	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định
56	1.003089	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định
57	1.003028	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận
58	1.003004	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận
59	1.010678	Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8
60	1.010680	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp bị thu hồi, bị tước
61	1.010679	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép hoặc Giấy phép bị mất, hư hỏng
62	1.001400	Thủ tục chỉ định tạm thời tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận
63	1.003430	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận
64	1.003304	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm
65	1.003206	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định
66	1.003045	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định
67	1.002983	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận
68	1.000746	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

PHỤ LỤC II

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỊCH VỤ
CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH**
(Kèm theo Quyết định số 218/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Bộ Khoa
học và Công nghệ)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
A	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		
1	2.002248	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Sở Khoa học và Công nghệ
2	2.002249	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Sở Khoa học và Công nghệ
3	2.002544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4	2.002548	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5	2.002502	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cấp tỉnh
6	1.008377	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ
7	1.011820	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh

8	1.011818	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh
9	1.011816	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10	1.011814	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
11	1.011812	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
12	1.011815	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
13	2.002278	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
14	2.001525	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
15	2.001179	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
16	1.001786	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
17	1.001716	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
B	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ		
18	1.011937	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
19	1.011938	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
20	1.011939	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
C	LĨNH VỰC AN TOÀN BỨC XẠ HẠT NHÂN		

21	2.002385	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
22	2.002379	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
D	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG		
23	2.002253	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân	Sở Khoa học và Công nghệ
24	2.001277	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
25	2.001209	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
26	2.001207	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
27	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
28	1.000449	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng